

**CÔNG TY TNHH TNHH DINH DƯỠNG BÁCH VIỆT**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH TNHH DINH DƯỠNG BÁCH VIỆT

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: BACH VIET NUTRITION COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109353853

**3. Ngày thành lập:** 25/09/2020

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Thôn Đức Trạch, Xã Quất Động, Huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0816101789

Fax:

Email: [BachVietCT.bannhanong@gmail.com](mailto:BachVietCT.bannhanong@gmail.com) Website: [il.com](http://il.com)

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                             | Mã ngành    |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Khai thác thủy sản biển                                                               | 0311        |
| 2.  | Khai thác thủy sản nội địa                                                            | 0312        |
| 3.  | Nuôi trồng thủy sản biển                                                              | 0321        |
| 4.  | Nuôi trồng thủy sản nội địa                                                           | 0322        |
| 5.  | Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt<br>Chi tiết: Giết mổ gia súc, gia cầm | 1010        |
| 6.  | Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản                               | 1020        |
| 7.  | Chế biến và bảo quản rau quả                                                          | 1030        |
| 8.  | Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật                                                       | 1040        |
| 9.  | Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa                                                   | 1050        |
| 10. | Xay xát và sản xuất bột thô                                                           | 1061        |
| 11. | Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột                                         | 1062        |
| 12. | Sản xuất các loại bánh từ bột                                                         | 1071        |
| 13. | Sản xuất đường                                                                        | 1072        |
| 14. | Sản xuất ca cao, sôcôla và bánh kẹo                                                   | 1073        |
| 15. | Sản xuất mì ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự                                          | 1074        |
| 16. | Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn                                                 | 1075        |
| 17. | Sản xuất chè                                                                          | 1076        |
| 18. | Sản xuất cà phê                                                                       | 1077        |
| 19. | Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu                                        | 1079        |
| 20. | Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản                                         | 1080(Chính) |
| 21. | Sản xuất giấy nhãn, bì nhãn, bao bì từ giấy và bì                                     | 1702        |

|     |                                                                                                                                     |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 22. | Sản xuất thuốc trừ sâu và sản phẩm hoá chất khác dùng trong nông nghiệp                                                             | 2021 |
| 23. | Sản xuất linh kiện điện tử                                                                                                          | 2610 |
| 24. | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa<br>Môi giới mua bán hàng hóa                                    | 4610 |
| 25. | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (trừ hàng cấm)                                               | 4620 |
| 26. | Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ                                                                                      | 4631 |
| 27. | Bán buôn thực phẩm                                                                                                                  | 4632 |
| 28. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình                                                                                                  | 4649 |
| 29. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                  | 4652 |
| 30. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu                                                                                   | 4669 |
| 31. | Bán buôn tổng hợp (trừ hàng cấm)                                                                                                    | 4690 |
| 32. | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp                | 4711 |
| 33. | Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp                                                                                  | 4719 |
| 34. | Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                   | 4721 |
| 35. | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                    | 4722 |
| 36. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                              | 4741 |
| 37. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa                                                                                                         | 5210 |
| 38. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải<br>Chi tiết: Logistics                                                          | 5229 |
| 39. | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày<br>Chi tiết: Khách sạn                                                                                    | 5510 |
| 40. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh | 8299 |

**6. Vốn điều lệ:** 1.500.000.000 VNĐ

## 7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên:

Giới tính:

Sinh ngày:

Dân tộc: Quốc tịch:

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:

Nơi cấp:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN VĂN CÔNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 10/07/1985

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 001085029400

Ngày cấp: 11/04/2019

Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Đoàn Xá, Xã Đồng Tiến, Huyện Ứng Hoà, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Thôn Đoàn Xá, Xã Đồng Tiến, Huyện Ứng Hoà, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội